

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ STAR**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STAR INVESTMENT TRADING CONSTRUCTION AND DEVELOPMENT TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: STAR ITAD., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108679570

**3. Ngày thành lập:** 03/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đội 7 thôn Yên Xá, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869250048

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                     | 4102        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                           | 4101(Chính) |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                               | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                    | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                         | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                          | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn                                                                                                                                                | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                    | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                             | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                       | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...). | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                      | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4322 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.                                                       | 4329 |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330 |
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đầu giá)<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.                                                                                                                                                                    | 4530 |
| 19. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4543 |
| 20. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651 |
| 21. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 26. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                                                                            | 6619 |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO CHIẾN THẮNG | P310 CT7a KĐT Văn Quán, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 405.000    | 4.050.000.000         | 45,000    | 112539042                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                             | Tổng số           | 405.000    | 4.050.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN ANH TUẤN   | Thôn Ngọn Ngòi, Xã Minh Quân, Huyện Trần Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    | 060980406                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                             | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM ĐỨC CHÍNH  | Số nhà 36 đường Hoàng Tích Chủ, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 315.000    | 3.150.000.000         | 35,000    | 125206836                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                             | Tổng số           | 315.000    | 3.150.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO CHIẾN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 05/12/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112539042

Ngày cấp: 31/05/2008

Nơi cấp: Công an Hà Tây

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P310 CT7A KĐT Văn Quán, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 7 thôn Yên Xá, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội